

## PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN KIỂM TOÁN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

□ TS. Đặng Anh Tuấn\*

\*Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

### **Tóm tắt**

Khung pháp lý kiểm toán dự án đầu tư công hiện nay, đã được ban hành khá đầy đủ nhưng thiếu những hướng dẫn đánh giá rủi ro có sai lệch trọng yếu, đối với thông tin trình bày trong báo cáo quản lý dự án đầu tư. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính, thông qua phân tích các quy định pháp lý và khảo sát thực tiễn hoạt động kiểm toán dự án đầu tư, nhằm đề xuất phương pháp xác định loại hình kiểm toán trọng tâm và mục tiêu kiểm toán tương ứng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, (i) phương pháp luận kiểm toán dự án đầu tư được đề xuất có thể kế thừa từ phương pháp luận kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) và (ii) kiểm toán viên (KTV) có thể nâng cao chất lượng kiểm toán, qua việc nâng cao khả năng xác nhận độ tin cậy của thông tin quản lý thực hiện dự án.

**Từ khoá:** kiểm toán dự án đầu tư, trọng yếu kiểm toán, dự án đầu tư công, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động.

### **Abstract**

The current legal framework for auditing public investment projects has been issued quite adequately. However currently it is a lack of guidance on assessing the risk of material misstatement in the investment project management report. This study based on a qualitative method through analysis of legal regulations and a survey of investment project audits aim at providing a method to choose the significant type of audits and the corresponding audit objectives. Research results show that (i) the investment project audit methodology can be inherited from the financial statement audit methodology and (ii) the auditor can improve the quality of the audit of investment project performance management information by verifying the reliability of the information.

**Keywords:** investment project audit, materiality in audits, public investment project, compliance audit, performance audit.

**JEL:** M40, M42, M49, H8.

### **1. Giới thiệu**

Kiểm toán Nhà nước Việt Nam (KTNN) đã ban hành “Hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu trong kiểm toán báo cáo quyết toán dự án đầu tư (quyết toán dự án hoàn thành) ban hành kèm theo Quyết định 01/2018/QĐ-KTNN ngày 12/11/2018 của Tổng KTNN. Liên quan đến kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành, Bộ Tài chính cũng đã ban hành Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000 kèm theo Thông tư số 67/2015/TT-BTC ngày 08/5/2015 và gần đây nhất là Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước. Tuy nhiên, các quy định pháp lý đều không đưa ra định nghĩa thế nào là cơ sở dẫn liệu kiểm toán, mục tiêu của từng cơ sở dẫn liệu cũng như cách thức xác định các yếu tố cấu thành nên phương pháp luận kiểm toán, được áp dụng phổ biến trong kiểm toán BCTC như: (1) lựa chọn hình thức kiểm toán; (2) mục tiêu kiểm toán tương ứng với từng hình thức kiểm toán; (3) quy trình quản lý thực hiện dự án đầu tư; (4) cơ sở dẫn liệu kiểm toán tương ứng với từng quy trình quản lý thực hiện

dự án; và (5) các mục tiêu cần đạt được đối với xác nhận cơ sở dẫn liệu kiểm toán. Theo đó, trong thực tiễn hoạt động kiểm toán dự án đầu tư công của KTNN về bản chất, chủ yếu tiếp cận kiểm toán chi tiết. Việc đánh giá rủi ro và xác định trọng, yếu mặc dù đã được quy định nhưng chỉ tuân thủ về mặt hình thức (thể hiện trên hồ sơ mẫu biểu kiểm toán) mà chưa thực sự được các KTV vận dụng hữu hiệu trên thực tế.

Vì vậy, nghiên cứu này kế thừa lý thuyết kiểm toán BCTC để phát triển phương pháp luận xác định cơ sở dẫn liệu, để áp dụng trong kiểm toán dự án đầu tư.

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu trên, cần phải trả lời hai câu hỏi nghiên cứu sau: cơ sở dẫn liệu kiểm toán dự án đầu tư là gì? Và phương pháp tiếp cận xác định cơ sở dẫn liệu và mục tiêu cơ sở dẫn liệu trong kiểm toán BCTC có phù hợp áp dụng trong kiểm toán dự án đầu tư?.

## **2. Khái niệm kiểm toán dự án đầu tư**

Hiện nay, chưa có định nghĩa hoặc phân biệt giữa kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, kiểm toán báo cáo dự án đầu tư hay kiểm toán dự án đầu tư là gì trong các quy định hoặc các nghiên cứu về lĩnh vực này ở Việt Nam. Kế thừa định nghĩa kiểm toán nói chung được thừa nhận phổ biến, kiểm toán dự án đầu tư được hiểu là quá trình thu thập và đánh giá bằng chứng một cách khách quan, có hệ thống để xác nhận và kết luận về mức độ tin cậy của thông tin tài chính và/hoặc việc tuân thủ quy định, chính sách và/hoặc mức độ kết quả đạt được tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực, đối với hoạt động quản lý dự án so với các tiêu chí kiểm toán phù hợp để báo cáo tới người sử dụng thông tin. Việc kiểm toán cần được thực hiện bởi các KTV đủ năng lực và độc lập.

### ***Về mục tiêu kiểm toán***

Tuỳ thuộc vào từng yêu cầu kiểm toán của người sử dụng thông tin hoặc xét đoán nghề nghiệp của KTV, mục tiêu kiểm toán dự án đầu tư có thể bao gồm cả mục tiêu kiểm toán BCTC, kiểm toán tuân thủ pháp luật và kiểm toán hoạt động. Hiện nay, phần lớn việc kiểm toán các dự án đầu tư công do KTNN thực hiện, áp dụng cả ba loại hình kiểm toán trên. Trong khi đó, kiểm toán độc lập do các doanh nghiệp kiểm toán thực hiện, chủ yếu tiến hành kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành, trong đó có một phần nội dung kiểm toán việc chấp hành pháp luật về trình tự, thủ tục đầu tư.

### ***Về nội dung kiểm toán***

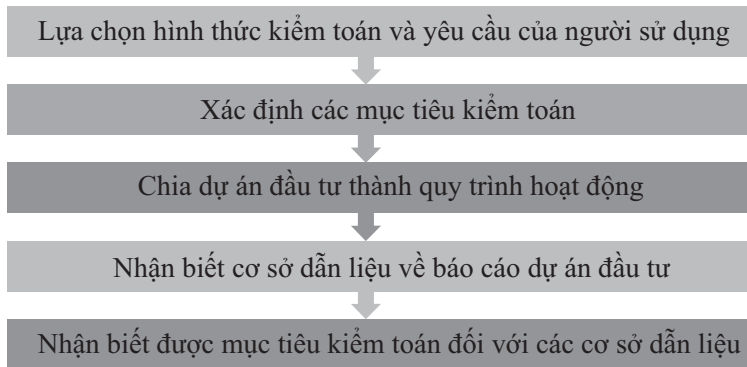
Nội dung kiểm toán dự án đầu tư phụ thuộc vào yêu cầu của người sử dụng thông tin, quy định pháp luật liên quan nhưng thường bao gồm những nội dung trọng yếu: (i) kiểm toán BCTC của dự án đầu tư bao gồm việc xác nhận báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; báo cáo quyết toán giữa chủ đầu tư và các nhà thầu còn được gọi là báo cáo quyết toán A-B; dự toán; tổng mức đầu tư hoặc các báo cáo nghiệm thu – thanh toán thời điểm dự án đang trong giai đoạn thực hiện (gọi là kiểm toán giữa kỳ); (ii) kiểm toán tuân thủ như xác nhận/đánh giá việc tuân pháp luật; và (iii) kiểm toán hoạt động như đánh giá tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực trong quản lý sử dụng vốn đầu tư và quản lý dự án đầu tư.

## **3. Vận dụng phương pháp luận kiểm toán BCTC**

Phương pháp luận kiểm toán BCTC đã được thừa nhận chung về mặt lý luận và áp dụng phổ biến trong thực tiễn kiểm toán. Tuy nhiên, đối với kiểm toán dự án đầu tư, cơ sở để KTV kiểm tra để xác nhận thông tin tài chính hoặc các thông tin khác trình bày trong các báo cáo dự án đầu tư vẫn chưa được chuẩn hoá. Nguyên nhân do, cơ sở dẫn liệu để lập các báo cáo này trong kiểm toán dự án đầu tư vẫn chưa được phát triển và áp dụng trong thực tiễn. Dựa trên tiền đề kiểm toán dự án đầu tư cũng là một loại hình kiểm toán. Theo

đó, về mặt nhận thức, phương pháp luận kiểm toán BCTC được áp dụng phổ biến cũng có thể áp dụng trong kiểm toán dự án đầu tư. Vì vậy, phần thảo luận tiếp theo, sẽ đề cập quy trình và cách thức phát triển cơ sở dẫn liệu trong kiểm toán dự án đầu tư, nhằm giúp KTV thiết kế các thủ tục kiểm toán. Quy trình này được tổng kết từ thực tiễn, hoạt động kiểm toán dự án đầu tư ở Việt Nam và được phát triển dựa trên lý thuyết về kiểm toán BCTC như Hình 1.

**Hình 1: Quy trình xác định nội dung và phạm vi kiểm toán dự án đầu tư**

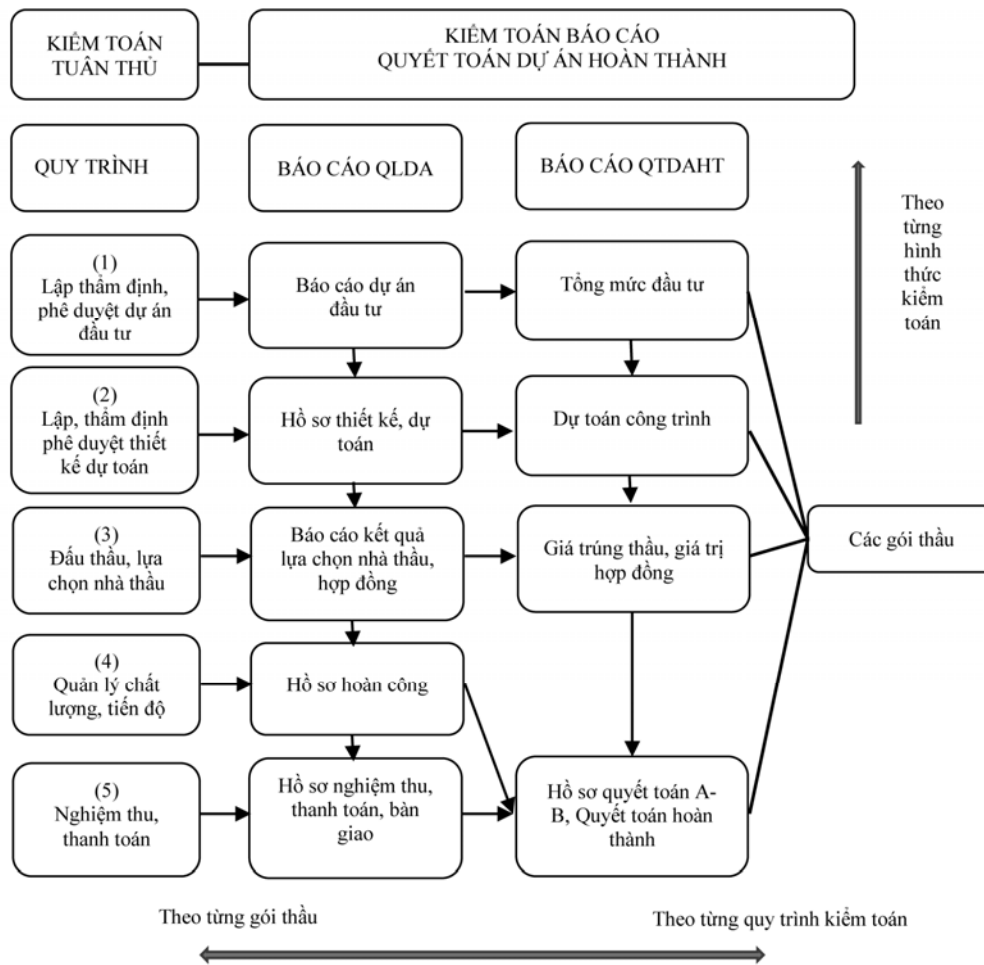


Để hiểu và vận dụng được quy trình này, trước hết cần phải định nghĩa một số khái niệm liên quan đến dự án đầu tư, cụ thể:

Kiểm toán dự án đầu tư cũng được hiểu chung nhất là kiểm toán các báo cáo do chủ đầu tư lập. Đây là các báo cáo phản ánh tình hình quản lý thực hiện dự án đầu tư. Theo quy định và thực tiễn quản lý thực hiện dự án đầu tư hiện nay ở Việt Nam, báo cáo phản ánh tình hình quản lý thực hiện dự án đầu tư thường được gọi là báo cáo dự án đầu tư, có thể phân thành hai nhóm chính gồm: (1) báo cáo quản lý dự án đầu tư; và (2) báo cáo quản lý chi phí đầu tư.

Việc phân chia thành hai nhóm báo cáo này tương thích với hai hoạt động quản lý thực hiện dự án của chủ đầu tư trong các quy định pháp luật tương ứng. Báo cáo chi phí đầu tư phục vụ cho mục đích quyết toán dự án hoàn thành đã được chuẩn hoá, thông qua các quy định do Bộ Tài chính ban hành. Vì vậy, KTV có thể áp dụng phương pháp luận trong kiểm toán BCTC, để áp dụng kiểm toán chi phí đầu tư thực hiện. Tuy nhiên, điểm hạn chế là chưa có hướng dẫn cơ sở dẫn liệu đối với báo cáo chi phí đầu tư là gì, ở góc độ tổng thể và khoản mục. Ngoài ra, đối với báo cáo quản lý dự án đầu tư như đã đề cập trên, hiện chưa được quy định cụ thể về thể thức và nội dung. Do đó, chưa có đủ cơ sở xác định đâu là thông tin trọng yếu và đâu là cơ sở dẫn liệu. Do vậy, câu hỏi chưa được trả lời đó là, nếu thông tin về tình hình quản lý thực hiện dự án đầu tư được phản ánh trên báo cáo không đúng thực tế thì việc đánh giá các hoạt động này có đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật hay không trở nên vô nghĩa. Các loại báo cáo dự án đầu tư, được chi tiết như Hình 2 và Hình 4.

**Hình 2: Quy trình quản lý thực hiện dự án đầu tư và phương pháp tiếp cận**



Các nội dung thảo luận trên cho thấy, có hai vấn đề cần phải giải quyết: một là, chưa có hướng dẫn cách thức xác định đâu là thông tin trọng yếu trong báo cáo quản lý dự án đầu tư; hai là, chưa có định nghĩa thế nào cơ sở dẫn liệu, đối với từng loại báo cáo tương tự như đối với cơ sở dẫn liệu của BCTC.

Đối với vấn đề xác định thông tin nào là trọng yếu trong báo cáo quản lý dự án, nghiên cứu này đề xuất 03 tiêu chí xác định gồm: (1) báo cáo nào chủ đầu tư phải lập tuân thủ yêu cầu về nội dung và hình thức; (2) là đầu ra của quy trình quản lý dự án; và (3) chúng phản ánh các thông tin quyết định thành công của dự án thì được xem là trọng yếu cần xác nhận.

Đối với việc xác định cơ sở dẫn liệu cho từng loại báo cáo là bộ phận cấu thành báo cáo quản lý dự án, nghiên cứu này đề xuất quy trình 5 Bước, như Hình 1.

Bước 1, lựa chọn loại hình kiểm toán và yêu cầu của người sử dụng

Mục tiêu kiểm toán được định nghĩa chung nhất là, kết quả cuộc kiểm toán dự kiến đạt được và vì vậy nó miêu tả cái mà KTV sẽ báo cáo. Khó khăn lớn nhất đối với KTV trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán là, thiết kế được các mục tiêu kiểm toán vừa đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng và phù hợp với khả năng của mình. Trong kiểm toán

BCTC, các mục tiêu kiểm toán đã được chuẩn hóa từ mục tiêu kiểm toán tổng thể (CMKTNN 200), đến các mục tiêu kiểm toán chi tiết tương ứng với từng cơ sở dẫn liệu như tính đầy đủ, hiện hữu, phát sinh, quyền và nghĩa vụ, phân loại, đánh giá và phân bổ, chia cắt niên độ. Trong kiểm toán tuân thủ pháp luật và kiểm toán hoạt động, mục tiêu kiểm toán chưa được chuẩn hóa. Do đó, ngoài mục tiêu kiểm toán BCTC còn được gọi là báo cáo quyết toán dự án hoàn thành còn có mục tiêu khác là kiểm toán tuân thủ pháp luật, chế độ quản lý báo cáo dự án đầu tư và mục tiêu kiểm toán hoạt động. Tùy thuộc vào nhu cầu của người sử dụng thông tin và dự án đầu tư, KTV sẽ xác định trọng tâm của từng cuộc kiểm toán vào từng hình thức kiểm toán khác nhau giữa kiểm toán BCTC, tuân thủ pháp luật và hoạt động.

Bước 2, xác định các mục tiêu kiểm toán

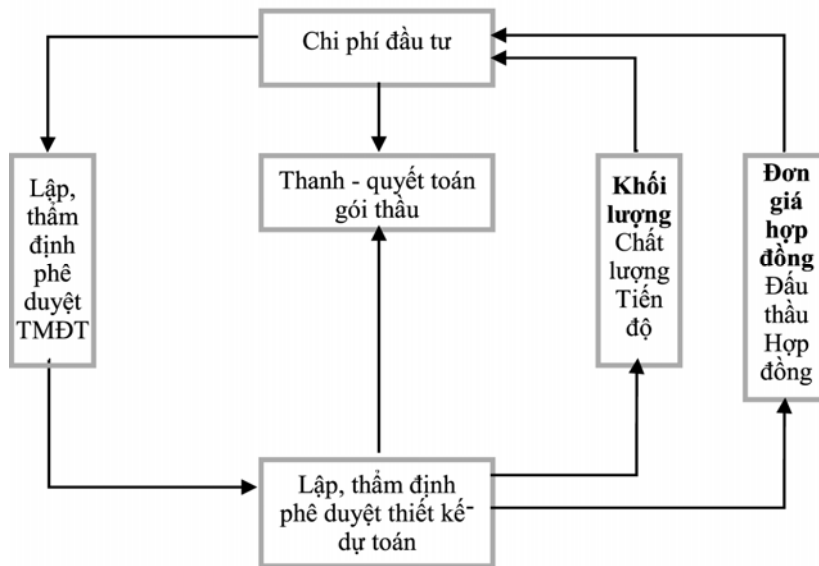
Theo Raaum & Morgan, (2010), mục tiêu kiểm toán chính xác cần phải hội tụ đủ 04 thành tố cấu thành gồm: (i) mục tiêu phải được trả lời, nghĩa là có khả năng thực hiện được; (ii) xác định được phạm vi kiểm toán, nghĩa là mục tiêu kiểm toán nhất thiết phải bao gồm đối tượng kiểm toán là gì. Chẳng hạn, một hoạt động, quy trình, chính sách hoặc một BCTC và chỉ ra được phạm vi kiểm toán là những đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp còn gọi là đơn vị được kiểm toán; (iii) xác định những nội dung trọng yếu cần xem xét. Ví dụ, đánh giá việc tuân thủ pháp luật về đấu thầu đối với gói thầu xây lắp hoặc thiết bị (kiểm toán tuân thủ) hoặc đánh giá việc dự án có hoàn thành theo đúng tiến độ và đạt được các mục tiêu đề ra (kiểm toán hoạt động); và (iv) các phát hiện kiểm toán kỳ vọng sẽ đạt được và khuôn mẫu báo cáo kiểm toán dự kiến.

Bước 3, xác định các quy trình quản lý thực hiện dự án

Có nhiều cách tiếp cận kiểm toán dự án đầu tư gồm: (1) theo từng hình thức kiểm toán như kiểm toán tài chính, tuân thủ và hoạt động; (2) theo từng quy trình quản lý thực hiện dự án và (3) theo từng gói thầu hoặc nhóm gói thầu tương tự. Trong đó, quy trình quản lý thực hiện dự án gồm hai hoạt động (1) tổ chức thực hiện dự án bao gồm ba giai đoạn chính (i) chuẩn bị đầu tư, (ii) triển khai thực hiện dự án và (iii) nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng và (2) quản lý dự án là hoạt động thực hiện song song với quá trình tổ chức thực hiện dự án thường bao gồm 05 quy trình chủ yếu: quy trình lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư; quy trình lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế - dự toán; quy trình đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng; quy trình quản lý chất lượng và tiến độ; quy trình nghiệm thu, thanh quyết toán dự án hoàn thành.

Theo đó, cuộc kiểm toán dự án đầu tư được thực hiện, bằng cách chia nhỏ quá trình thực hiện dự án thành từng chu trình quản lý thực hiện dự án. Việc phân chia này để thực hiện và kiểm soát hữu hiệu hơn. Tuy nhiên, chúng không hoàn toàn độc lập với nhau, bởi vì chúng có nội dung liên quan mật thiết với nhau. Ví dụ, khi kiểm toán quy trình “lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư”, KTV hiểu được dự án đầu tư được phê duyệt thuộc nhóm dự án nào, tổng mức đầu tư được phê duyệt là bao nhiêu để xác định chi phí lập dự án đầu tư, chi phí thẩm tra, chi phí kiểm toán thuộc quy trình “nghiệm thu, thanh toán và quyết toán” là các khoản mục chi phí, được xác định theo tỷ lệ phần trăm % so với tổng mức đầu tư. Hình 2 là quy trình quản lý thực hiện dự án đầu tư và phương pháp tiếp cận.

**Hình 3: Mối quan hệ giữa các quy trình quản lý thực hiện dự án**



Hình 3 mô tả các bước quản lý thực hiện dự án đầu tư công và mối quan hệ giữa chúng bắt đầu với quy trình lập, thẩm định và phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật. Sau khi dự án được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định phê duyệt thiết kế dự toán để chuyển sang bước triển khai thực hiện dự án. Công tác thiết kế tại bước lập dự toán được cụ thể hoá từ thiết kế cơ sở bước lập dự án. Tổng mức đầu tư được sử dụng để quản lý nguồn vốn đầu tư, quyết định mục tiêu, hình thức, quy mô đầu tư. Dự toán công trình được sử dụng để quản lý và kiểm soát chi phí đầu tư thông qua quy trình đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng (quản lý về mặt đơn giá, giá trị hợp đồng). Việc quản lý hợp đồng được thực hiện thông qua quy trình quản lý khối lượng, chất lượng và tiến độ (quản lý khối lượng hợp đồng) và quy trình nghiệm thu, thanh toán và quyết toán nhằm kiểm soát chi phí đầu tư thực hiện làm cơ sở phê duyệt quyết toán.

#### Bước 4, xác định cơ sở dẫn liệu kiểm toán

Theo yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán, KTV phải hiểu và phân loại được các cơ sở dẫn liệu, để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp. Tương tự như kiểm toán BCTC nói chung, kiểm toán dự án đầu tư cũng được phân thành 03 nhóm cơ sở dẫn liệu là: (1) giao dịch và sự kiện; (2) số dư/khoản mục và (3) trình bày và thuyết minh.

Vì vậy, cơ sở dẫn liệu kiểm toán trong kiểm toán dự án đầu tư cũng được hiểu là, khẳng định của nhà quản lý dự án một cách rõ ràng hoặc ngầm định về các giao dịch và sự kiện, số dư/khoản mục và thuyết minh trong báo cáo dự án đầu tư. Tuy nhiên, đối với dự án đầu tư công được điều chỉnh bởi quy định về quản lý dự án và quy định về quản lý chi phí của dự án. Theo đó, cơ sở dẫn liệu quản lý của chủ đầu tư cũng được chia thành cơ sở dẫn liệu quản lý dự án và cơ sở dẫn liệu quản lý chi phí, tương ứng với hai nhóm báo cáo là báo cáo quản lý dự án và báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Các nhóm cơ sở dẫn liệu phân loại tương ứng, Hình 4.

**Hình 4: Cơ sở dẫn liệu quản lý thực hiện dự án**



Cơ sở dẫn liệu quản lý chi phí đầu tư liên quan đến mục tiêu kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, gồm 02 nhóm cơ sở dẫn liệu:

- Cơ sở dẫn liệu là các giao dịch và sự kiện. Đây là cơ sở dẫn liệu liên quan đến việc chấp hành các nguyên tắc, quy định quản lý chi phí đầu tư của dự án. Nội dung giao dịch và sự kiện được thuyết minh và trình bày trong báo cáo quản lý chi phí đầu tư, là một bộ phận của báo cáo quyết toán dự án hoàn thành;
- Cơ sở dẫn liệu là số dư và khoản mục chi phí đầu tư và nguồn vốn đầu tư, tại thời điểm cuối kỳ (thời điểm dự án hoàn thành). Số dư và các khoản mục chi phí đầu tư và nguồn vốn đầu tư, được thuyết minh và trình bày trong báo cáo quản lý chi phí đầu tư là một bộ phận của báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

Cơ sở dẫn liệu quản lý dự án liên quan đến mục tiêu kiểm toán tuân thủ pháp luật.

Chúng là các quy trình quản lý thực hiện dự án, được thuyết minh và trình bày trong báo cáo quản lý dự án là một thành phần trong báo cáo dự án đầu tư.

Bước 5, xác định mục tiêu kiểm toán đối với từng cơ sở dẫn liệu

Sau khi xác định được các cơ sở dẫn liệu phù hợp (nội dung kiểm toán), KTV phát triển các mục tiêu kiểm toán đối với từng cơ sở dẫn liệu, làm cơ sở thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm toán.

Đối với nhóm cơ sở dẫn liệu quản lý chi phí, mục tiêu kiểm toán cũng được phát triển tương ứng với nhóm cơ sở dẫn liệu là: (i) cơ sở dẫn liệu tuân thủ quy định quản lý chi phí đầu tư đối với các giao dịch và sự kiện có ảnh hưởng tới chi phí đầu tư gồm hiện hữu, đầy đủ, chính xác và hợp pháp; (ii) cơ sở dẫn liệu là số dư/khoản mục chi phí đầu tư gồm hiện hữu, đầy đủ và chính xác.

Đối với quản lý dự án gồm các nội dung trình tự, thủ tục và thẩm quyền, lựa chọn nhà thầu, tiến độ, chất lượng, hiệu quả và hiệu lực, nhóm cơ sở dẫn liệu gồm đầy đủ, chính xác, hợp pháp và quyền: các mục tiêu kiểm toán đối với từng cơ sở dẫn liệu được thiết lập tương ứng với từng quy trình quản lý thực hiện dự án. Mục đích nhằm, giúp KTV thu thập bằng chứng kiểm toán đầy đủ thích hợp liên quan đến việc tuân thủ quy trình thực hiện dự án. Mục tiêu kiểm toán liên quan đến giao dịch, sự kiện và số dư tài khoản/khoản

mục chi phí đầu tư cũng bao gồm việc chấp hành pháp luật, nếu chúng ảnh hưởng trực tiếp tới tính chính xác chi phí đầu tư. Tuy nhiên, đối với nội dung kiểm toán tuân thủ liên quan đến 05 quy trình quản lý thực hiện dự án, KTV phải thiết lập các mục tiêu kiểm toán, nhằm xác định nguyên nhân và trách nhiệm đối với việc không tuân thủ pháp luật, cho dù chúng có ảnh hưởng tới báo cáo quyết toán dự án hoàn thành hay không?.

#### **4. Kết luận**

Nghiên cứu này dựa trên việc phân tích các quy định quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành, kiểm toán và thực tiễn hoạt động kiểm toán dự án đầu tư công, để đề xuất quy trình, cách xác định từng loại báo cáo quyết toán dự án hoàn thành cần phải xác nhận và cơ sở dẫn liệu tương ứng, đối với từng loại báo cáo này làm cơ sở thiết kế nội dung, lịch trình và phạm vi áp dụng các thủ tục kiểm toán tương ứng. Quy trình này nếu được áp dụng sẽ đảm bảo: (1) áp dụng nhất quán phương pháp kiểm toán trong tất cả các cuộc kiểm toán dự án đầu tư; (2) chỉ ra phương pháp luận hỗ trợ KTV; xác định được các thủ tục kiểm toán chi tiết tương ứng với từng cơ sở dẫn liệu; và (3) giúp KTV có thể xác nhận được các thông tin trình bày trong các báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Qua đó, tăng cường mức độ đảm bảo được cung cấp và tăng cường chất lượng kiểm toán.

*Tài liệu tham khảo*

1. Bộ Tài chính, (2015), Thông tư 67/2015/TT-BTC ngày 08/5/2015 “Ban hành Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành”.
2. Bộ Tài chính, (2020), Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 “Quy định quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước”.
3. Kiểm toán Nhà nước, (2016), Quyết định số 02/2016/QĐ-KTNN ngày 15/07/2016 ban hành Hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán Nhà nước 200.
4. Kiểm toán Nhà nước, (2017), Quyết định 02/2017/QĐ-TKTNN ngày 13/03/2017 của Tổng KTNN ban hành “Quy trình kiểm toán dự án đầu tư xây dựng công trình”.
5. Kiểm toán Nhà nước, (2018), Quyết định 01/2018/QĐ-KTNN ngày 12/11/2018 “Về việc ban hành hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu trong kiểm toán báo cáo quyết toán dự án đầu tư”.
6. Raaum, R.B., & Morgan, S.L, (2010) “Performance Auditing a Measurement Approach” Florida.